

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5-2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.
2. Ông Lưu Đức Chung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Quốc Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 840/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim P, sinh năm 1982.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P và anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim P trình bày: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, do cả tự nguyện. Trong thời gian chung sống thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ nhau, nay chị xin ly hôn anh C vì không thể về chung sống một nhà.

Về con chung: Con chung: có 03 con chung.

1. Phạm Quang Đ, sinh năm 2000 đã trưởng thành.
2. Phạm Thị Tuyết S, sinh ngày 04/8/2003.

3. Phạm Thị Tuyết T, sinh ngày 11/10/2009.

Chị yêu cầu nuôi cháu S và T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

-Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 01 năm 2021, bị đơn anh Trần Văn C trình bày : Anh và chị P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, do cả tự nguyện. Trong thời gian chung sống thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ nhau, nay anh nhận thấy cũng còn tình cảm gì với chị P nên tôi đồng ý ly hôn chị P.

Về con chung: Con chung: có 03 con chung.

4. Phạm Quang Đ, sinh năm 2000, đã trưởng thành.

5. Phạm Thị Tuyết S, sinh ngày 04/8/2003.

6. Phạm Thị Tuyết T, sinh ngày 11/10/2009.

Anh đồng ý để chị P nuôi cháu S và cháu T, anh không cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu S và cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị P. Bị đơn anh Trần Văn C đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000. Quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật

thừa nhận nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Kim P và anh Trần Văn C.

[3] Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thị Tuyết S, sinh ngày 04/8/2003 và cháu Phạm Thị Tuyết T, sinh ngày 11/10/2009, anh C đồng ý để chị P nuôi con. Cháu S và cháu T đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến của các cháu có nguyện vọng được sống với chị P, vì vậy, giao cho chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sương và cháu Thu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị P nuôi con không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh C khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Kim P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 ; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 9 ; khoản 1 Điều 14 ; khoản 2 Điều 53; Điều 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Kim P và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Tuyết S, sinh ngày 04/8/2003 và cháu Phạm Thị Tuyết T, sinh ngày 11/10/2009 cho chị Phạm Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim P phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004858 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Chị Phạm Thị Kim P và anh Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên